

QUYẾT ĐỊNH

**Về giao biên chế công chức và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
(được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ)
trong các cơ quan hành chính, tỉnh Sóc Trăng năm 2022**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của
Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan
hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên
chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp
đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự
nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của
Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;*

*Căn cứ Quyết định số 1575/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân
sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước và biên chế của các Hội
có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 1066/QĐ-BNV ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ
Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính
nhà nước tỉnh Sóc Trăng năm 2022.*

*Căn cứ Nghị quyết số 194/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng khóa X, Kỳ họp thứ 4 giao biên chế công
chức và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm
2000 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày
29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ) trong các cơ quan hành chính nước năm
2022;*

*Căn cứ Quyết định 47/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định phân cấp thẩm
quyền tổ chức, quản lý biên chế trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị
sự nghiệp công lập và các tổ chức hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ trong nước
trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng (tại Tờ trình số 881/TTr-SNV ngày 21/12/2021).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao biên chế công chức và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ tại các cơ quan hành chính thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, thuộc sở, ban, ngành, tỉnh Sóc Trăng năm 2022; kèm theo phụ lục chi tiết.

Điều 2.

1. Thủ trưởng các sở, ban ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

a) Căn cứ chỉ tiêu được giao và thẩm quyền theo phân cấp, quyết định giao chỉ tiêu cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc (đồng thời gửi Sở Nội vụ để theo dõi).

b) Xây dựng phương án sắp xếp, bố trí, điều chuyển, thực hiện tinh giản biên chế đối với các cơ quan, đơn vị dôi dư công chức so với số biên chế được giao.

2. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện và quản lý, sử dụng biên chế công chức, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ đối với các sở, ban, ngành và địa phương.

b) Thực hiện chế độ báo cáo thống kê về tình hình thực hiện biên chế theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ; đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý nghiêm trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng biên chế công chức vượt chỉ tiêu được giao và không đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ban Quản lý các khu công nghiệp và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: TH, KT, VX, NC, HC, VT



CHỦ TỊCH

Trần Văn Lâu



PHỤ LỤC

GIÁO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC VÀ HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ CHO CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, TỈNH SÓC TRĂNG, NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

| STT | TÊN ĐƠN VỊ | Biên chế công chức | Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP |
|-----------|-------------------------------------|--------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| | Tổng cộng (I+II): | 1.883 | 282 |
| I | CẤP TỈNH | 935 | 171 |
| 1 | Ban Dân tộc | 22 | 4 |
| 2 | Ban Quản lý các khu công nghiệp | 17 | 10 |
| 3 | Sở Công Thương | 35 | 4 |
| 4 | Sở Giáo dục và Đào tạo | 50 | 5 |
| 5 | Sở Giao thông vận tải | 52 | 12 |
| 6 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 36 | 4 |
| 7 | Sở Khoa học và Công nghệ | 35 | 7 |
| 8 | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | 47 | 8 |
| 9 | Sở Nội vụ | 49 | 10 |
| 10 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông | 162 | 37 |
| 11 | Sở Tài chính | 43 | 5 |
| 12 | Sở Tài nguyên và Môi trường | 61 | 10 |
| 13 | Sở Tư pháp | 34 | 4 |
| 14 | Sở Thông tin và Truyền thông | 29 | 4 |
| 15 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 41 | 4 |
| 16 | Sở Xây dựng | 34 | 4 |
| 17 | Sở Y tế | 56 | 10 |
| 18 | Thanh tra | 32 | 4 |
| 19 | Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh | 29 | 8 |
| 20 | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh | 71 | 17 |
| II | CẤP HUYỆN | 948 | 111 |
| 1 | Huyện Cù Lao Dung | 85 | 10 |
| 2 | Huyện Châu Thành | 85 | 10 |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ | Biên chế công chức | Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP |
|-----|---------------------|--------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| 3 | Huyện Kế Sách | 85 | 10 |
| 4 | Huyện Long Phú | 85 | 10 |
| 5 | Huyện Mỹ Tú | 85 | 10 |
| 6 | Huyện Mỹ Xuyên | 85 | 10 |
| 7 | Huyện Thạnh Trị | 85 | 10 |
| 8 | Huyện Trần Đề | 85 | 10 |
| 9 | Thành phố Sóc Trăng | 95 | 11 |
| 10 | Thị xã Ngã Năm | 85 | 10 |
| 11 | Thị xã Vĩnh Châu | 88 | 10 |

